

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY (TIẾNG ANH BÁN PHẦN)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1496 /QĐ-ĐHNH, ngày 15 tháng 5 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)

- Tên chương trình (Tiếng Việt): **Quản trị kinh doanh, tiếng Anh bán phần (CLC)**
- Tên chương trình (Tiếng Anh): **Bachelor of Business Administration**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Ngành đào tạo: **Quản trị kinh doanh**
- Mã ngành ¹: **7340101**
- Hình thức đào tạo: **Chính quy tập trung**
- Chuẩn đầu vào: Thực hiện theo thông tin tuyển sinh
- Thời gian đào tạo (theo thiết kế): **04 năm (08 học kỳ)**
- Thời điểm cập nhật bản chương trình đào tạo: **tháng 5. năm 2026**

1. Kết cấu và nội dung chương trình:

1.1. Kết cấu chương trình đào tạo:

TT	Khối kiến thức	Số học phần			Số tín chỉ			Tỷ lệ
		Bắt buộc	Tự chọn		Bắt buộc	Tự chọn		
			Bắt buộc	Tự do		Bắt buộc	Tự do	
1	Giáo dục đại cương	11	10	1	24	22	2	19,20%
2	Giáo dục chuyên nghiệp	32	26	6	101	83	18	80,80%
2.1	Cơ sở ngành	16	13	3	47	38	9	37,60%
2.2	Ngành	7	6	1	21	18	3	16,80%
2.3	Chuyên ngành	9	7	2	33	27	6	26,40%
	Tổng cộng	43			125			100,00%

¹ Mã ngành được ghi theo bảng mã ngành được Bộ Giáo dục và đào tạo quy định.

TT	Khối kiến thức khác	Số tín chỉ
1	Giáo dục thể chất	5
2	Giáo dục Quốc phòng an ninh	8
	Tổng cộng	13

1.2. Khung chương trình đào tạo:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Phân bổ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
		(Tiếng Việt/Tiếng Anh)		thời lượng tín chỉ				
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
1	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		24					
1.1		Học phần bắt buộc	22					
1	MLM306	Triết học Mác - Lênin 1/ <i>Marxism and Leninism</i>	3	3	0	0		1
2	MLM307	Kinh tế chính trị Mác – Lênin/ <i>Political economics of Marxism and Leninism</i>	2	2	0	0	MLM306	2
3	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ <i>Scientific socialism</i>	2	2	0	0	MLM306	3
4	MLM309	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam/ <i>History of vietnamese communist party</i>	2	2	0	0	MLM306	3
5	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	2	0	0	MLM306	2
6	MAE701	Toán kinh tế 1/ <i>Mathematics for economics 1</i>	2	2	0	0		1
7	MAE702	Toán kinh tế 2/ <i>Mathematics for economics 2</i>	2	2	0	0		2
8	AMA303	Lý thuyết xác suất và thống kê toán/ <i>Probability theory and Mathematical Statistics</i>	3	3	0	0		2
9	FIN730	Phát triển bền vững và tài chính xanh/ <i>Sustainable development and green finance</i>	2	2	0	0		2
10	LAW798	Pháp luật và thể chế/ <i>Law and Institution</i>	2	2	0	0		2
1.2		Học phần tự chọn kiến thức đại cương (Học	2					

		phần tự chọn (Sinh viên lựa chọn 01 học phần thuộc 01 trong 02 nhóm))						
		Nhóm 1						
11	LOG708	Kỹ thuật ra quyết định/ <i>Decision -making techniques</i>	2	2	0	0		1
12	SOC303	Tâm lý học/ <i>Psychology</i>	2	2	0	0	MLM306	1
		Nhóm 2						
13	MAG709	Tư duy phản biện/ <i>Critical Thinking</i>	2	2	0	0		1
14	MLM305	Logic học/ <i>Logics</i>	2	2	0	0		1
2	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		101					
2.1	Học phần khối kiến thức cơ sở ngành		47					
		Học phần bắt buộc	38					
15	MES302	Kinh tế học vi mô/ <i>Microeconomics</i>	3	3	0	0		1
16	MES303	Kinh tế học vĩ mô/ <i>Macroeconomics</i>	3	3	0	0		2
17	ITS723	Logic ứng dụng trong kinh doanh/ <i>Applied Logic in Business</i>	2	2	0	0		2
18	ACC301	Nguyên lý kế toán/ <i>Principles of Accounting</i>	3	3	0	0		3
19	LAW304	Luật kinh doanh/ <i>Business Law</i>	3	3	0	0	LAW798	3
20	MKE308	Nguyên lý Marketing/ <i>Principles of Marketing</i>	3	3	0	0		2
21	ITS772	Phát triển năng lực số/ <i>Digital Capabilities Development</i>	3	3	0	0	Chứng chỉ ứng dụng CNTT nâng cao, Chứng nhận ứng dụng AI	5
22	MAG322	Quản trị học/ <i>Fundamentals of Management</i>	3	3	0	0		1
23	BAF736	Tiền tệ, Ngân hàng và Công nghệ tài chính/ <i>Money, Banking and Fintech</i>	3	3	0	0		3
24	FIN303	Tài chính doanh nghiệp/ <i>Corporate Finance</i>	3	3	0	0	ACC301	3
25	DIM706	Marketing số/ <i>Digital marketing</i>	3	3	0	0		3
26	ENP703	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD/ <i>English</i>	3	3	0	0	IELTS 4.5 hoặc bậc 3	5

		<i>For Business Administration</i>					trở lên theo khung năng lực 6 bậc hoặc đạt điểm theo quy định của kỳ kiểm tra năng lực tiếng Anh giữa khóa	
27	INE704	Phương pháp nghiên cứu khoa học/ <i>Research Methods</i>	3	3	0	0		4
		Học phần tự chọn cơ sở ngành (Sinh viên lựa chọn 03 trong 04 học phần sau đây)	9	9	0	0		
28	MAG323	Quản trị đổi mới và sáng tạo/ <i>Innovation and creativity Management</i>	3	3	0	0	MAG322	4
29	LOG712	Giao dịch thương mại/ <i>Commercial transactions</i>	3	3	0	0		4
30	DIM701	Giới thiệu kinh doanh số/ <i>Introduction to Digital Business</i>	3	3	0	0		4
31	DIM708	Sáng tạo và thiết kế trong thời đại số/ <i>Innovation and digital design</i>	3	3	0	0		4
2.2	Học phần khối kiến thức ngành		21					
	Học phần bắt buộc		18					
32	MAG713	Business Communication / <i>Truyền thông kinh doanh</i>	3	3	0	0	MAG322	4
33	DIM742	Corporate Social Responsibility / <i>Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp</i>	3	3	0	0	MAG322	5
34	MAG722	Operation Management / <i>Quản trị vận hành</i>	3	3	0	0	MAG322	5
35	MAG714	Strategic Management / <i>Quản trị chiến lược</i>	3	3	0	0	MAG322	6
36	MAG715	Human Resource Management / <i>Quản trị nguồn nhân lực</i>	3	3	0	0	MAG717	6
37	MAG716	Marketing Management / <i>Quản trị Marketing</i>	3	3	0	0	MKE308	6

		Học phần tự chọn ngành (Sinh viên lựa chọn 1 trong 02 học phần thuộc 1 trong 2 nhóm sau đây để tích lũy)	3	3	0	0		
		Nhóm 1						
38	MAG753	Performance Management/ Quản trị hiệu suất	3	3	0	0	MAG322	6
39	FIN733	Corporate Financial Management/ Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	3	0	0	FIN303	6
		Nhóm 2						
40	ITE722	Data Management/ Quản trị dữ liệu	3	3	0	0		6
41	DAT733	Big Data Analysis/ Phân tích dữ liệu lớn	3	3	0	0		6
2.3	Học phần khối kiến thức chuyên ngành		33			0	0	
		Học phần bắt buộc	27		0	0		
42	MAG717	Organizational Behavior/ Hành vi tổ chức	3	3	0	0	MAG322	5
43	MAG718	Leadership/ Lãnh đạo	3	3	0	0	MAG717	7
44	DIM743	Entrepreneurship In The Digital Age/ Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số	3	3	0	0	MAG322	7
45	MAG723	Project Management/ Quản trị dự án	3	3	0	0	MAG322	7
46	MAG720	Supply Chain Management/ Quản trị chuỗi cung ứng	3	3	0	0	MAG322	7
47	INT719	Internship in Business Administration/ Học phần thực tập cuối khóa ngành Quản trị kinh doanh (10 tuần)	3	0	3	0		8
48	REP719	Bachelor Thesis in Business Administration/ Học phần khóa luận tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh	9	9	0	0		8
		Học phần tự chọn chuyên ngành (Sinh viên lựa chọn 02 trong 03 học phần thuộc 01 trong 02 nhóm sau đây để tích lũy)	6	6	0	0		

		Nhóm 1						
49	MAG721	Customer Relationship Management/ Quản trị quan hệ khách hàng	3	3	0	0	MAG322	7
50	MAG724	Change management in the internationalization process/ Quản trị sự thay đổi trong bối cảnh quốc tế hóa	3	3	0	0	MAG322	7
51	LOG713	Consumer Behavior/ Hành vi khách hàng	3	3	0	0	MKE308	7
		Nhóm 2						
52	MKE701	Strategic Marketing/ Chiến lược Marketing	3	3	0	0	MKE308	7
53	DIM744	Digital Business strategy/ Chiến lược kinh doanh số	3	3	0	0	MAG322	7
54	LOG713	Consumer Behavior/ Hành vi khách hàng	3	3	0	0	MKE308	7
Tổng số tín của chương trình đào tạo			125					
Tổng số tín chỉ bắt buộc			105					
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			20					

Ghi chú (nếu có): Các môn có tên tiếng Anh ở trước, tiếng Việt in nghiêng phía sau là những môn giảng bằng Tiếng Anh

KHOA PHỤ TRÁCH CTĐT
TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Thúc